

Số: 21 /2010/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất,
giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2006/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 10 về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 44/TTr-TNMT ngày 22 tháng 01 năm 2010 và Văn bản số 628/TNMT-QLĐĐ ngày 17 tháng 3 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này áp dụng đối với các dự án hoặc các hạng mục trong dự án đã thu hồi đất được lập và phê duyệt phương án cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Các dự án, hạng mục trong dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đang thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí giải quyết tái định cư từ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không thực hiện theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 53/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2008 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi gửi:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các cơ quan báo, đài;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN, NC, KT.



QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và
thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4
năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định sau:

1. Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định số 197/2004/NĐ-CP);

2. Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 17/2006/NĐ-CP);

3. Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 84/2007/NĐ-CP);

4. Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP).

5. Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất (sau đây gọi là Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường, kế hoạch và đầu tư, xây dựng, tài chính và các cơ quan khác có liên quan; cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn.

2. Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế (sau đây gọi là người bị thu hồi đất).

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG

Điều 3. Giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Ủy ban nhân dân tỉnh giao việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, gồm:

1. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi là Hội đồng Bồi thường cấp huyện);

2. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Trung tâm phát triển quỹ đất cấp tỉnh thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với từng dự án cụ thể.

Điều 4. Hội đồng Bồi thường cấp huyện

1. Hội đồng Bồi thường được thành lập theo từng dự án để thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn cấp huyện.

2. Thành phần Hội đồng Bồi thường gồm:

a) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng;

b) Đại diện lãnh đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất là Phó Chủ tịch thường trực của Hội đồng;

c) Đại diện lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường - ủy viên;

d) Đại diện lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch - ủy viên;

đ) Đại diện lãnh đạo Phòng Hạ tầng kinh tế hoặc Phòng Công thương hoặc Phòng Quản lý đô thị - ủy viên;

e) Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có dự án - ủy viên;

f) Đại diện chủ đầu tư - ủy viên;

g) Đại diện của những người bị thu hồi đất từ một đến hai người do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thuộc phạm vi dự án giới thiệu.

3. Cơ quan giúp Hội đồng Bồi thường cấp huyện thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chuyển đổi tổ chức giúp việc của Hội đồng Bồi thường cấp huyện hiện nay thành Trung tâm Phát triển Quỹ đất theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính của Trung tâm Phát triển Quỹ đất cấp huyện được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính.

Điều 5. Việc thuê doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ về bồi thường, giải phóng mặt bằng

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường quy định tại Điều 3 của Quy định này được thuê doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ về bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ THU HỒI ĐẤT, GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT

Mục 1

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT VÀ LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 6. Thông báo thu hồi đất

1. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ký văn bản giới thiệu địa điểm hoặc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thực hiện thu hồi đất theo quy hoạch đã được duyệt và công bố, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ký thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo thu hồi đất đối với những dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giới thiệu địa điểm và ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo thu hồi đất đối với những dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện giới thiệu địa điểm.

2. Nội dung thông báo thu hồi đất theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy định này, gồm:

a) Lý do thu hồi đất, diện tích, vị trí khu đất trên cơ sở hồ sơ địa chính hiện có hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt và dự kiến về kế hoạch di chuyển;

b) Giao nhiệm vụ cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

c) Cho phép nhà đầu tư được tiến hành khảo sát, lập dự án đầu tư.

3. Trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thu hồi đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo thu hồi đất trên đài truyền thanh huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm tổ chức họp các hộ dân sinh sống trong khu vực dự án để thông báo thu hồi đất, niêm yết thông báo thu hồi đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư có đất thu hồi.

Điều 7. Thành lập Hội đồng Bồi thường

1. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giới thiệu địa điểm, chủ đầu tư hoặc Trung tâm Phát triển Quỹ đất có trách nhiệm gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thuộc phạm vi dự án đề nghị thành lập Hội đồng Bồi thường. Văn bản gửi kèm theo gồm:

a) Văn bản giới thiệu địa điểm của cấp có thẩm quyền hoặc chủ trương đầu tư đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP;

b) Văn bản cử đại diện tham gia Hội đồng Bồi thường.

2. Trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất đề xuất trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ký thành lập Hội đồng Bồi thường.

3. Trách nhiệm của Hội đồng Bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

4. Hội đồng Bồi thường làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng Bồi thường được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình hoạt động. Hội đồng Bồi thường tự chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao đất cho chủ đầu tư.

Điều 8. Khảo sát, đo đạc lập bản đồ khu vực dự án

1. Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn tất việc công bố thông báo thu hồi đất tại khu dân cư nơi

có đất bị thu hồi, chủ đầu tư cùng các đơn vị liên quan phải lập và phổ biến kế hoạch khảo sát, đo đạc trước khi tiến hành khảo sát, đo đạc lập bản đồ khu vực dự án.

Nội dung khảo sát, đo đạc, kê khai, kiểm kê hiện trạng thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương III của Quy định này.

2. Thời gian khảo sát, đo đạc lập bản đồ khu vực dự án, kê khai, kiểm kê hiện trạng không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bắt đầu triển khai thực hiện. Trường hợp phức tạp hoặc diện tích lớn thì chủ đầu tư có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị gia hạn, việc gia hạn được thực hiện không quá một lần và thời gian không quá 30 (ba mươi) ngày.

Điều 9. Lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập dự án đầu tư

1. Sau khi hoàn tất công tác khảo sát, đo đạc lập bản đồ khu vực dự án, chủ đầu tư tiến hành lập và trình quy hoạch chi tiết xây dựng (nếu có); lập dự án đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư và xây dựng. Nội dung dự án đầu tư phải thể hiện phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Việc lập, nội dung và phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT.

Trường hợp dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì lập bổ sung phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trình cơ quan đã phê duyệt dự án đầu tư phê duyệt bổ sung.

Mục 2

TỔ CHỨC KÊ KHAI, KIỂM KÊ HIỆN TRẠNG VÀ XÁC NHẬN NỘI DUNG KÊ KHAI

Điều 10. Tổ chức kê khai

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phát tờ khai và hướng dẫn cho người bị thu hồi đất kê khai. Tờ khai theo mẫu số 02 ban hành kèm theo quy định này.

2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi thu hồi đất có trách nhiệm ký, xác nhận rõ ngày, tháng, năm nhận được tờ khai để lưu hồ sơ. Trường hợp không có mặt tại địa phương thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức phát và hướng dẫn tờ khai tại nơi cư trú của người bị thu hồi đất.

3. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai, người bị thu hồi đất có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai tại Ủy ban

nhân dân cấp xã, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm thu lại tờ khai. Quá thời hạn trên, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản và lưu vào hồ sơ.

Điều 11. Thông báo đo đạc, kiểm kê hiện trạng

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi lập danh sách người bị thu hồi đất. Trường hợp người có tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người bị thu hồi đất (mà chỉ sở hữu tài sản gắn liền với đất) thì phải xác định và lập danh sách cả tên người bị thu hồi đất và người sở hữu tài sản gắn liền với đất.

2. Căn cứ theo danh sách đã lập, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường gửi thông báo đo đạc, kiểm kê cho người bị thu hồi đất. Thông báo kiểm kê phải nêu rõ thời gian, địa điểm có mặt để tiến hành đo đạc, kiểm kê hiện trạng và được lập 03 (ba) bản, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giữ 01 (một) bản và vào sổ lưu, Ủy ban nhân dân cấp xã giữ 01 (một) bản, 01 (một) bản gửi cho người bị thu hồi đất.

3. Trường hợp người bị thu hồi đất không có mặt tại địa phương hoặc không xác định được địa chỉ thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải thông báo trên Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai và Đài truyền thanh cấp xã liên tiếp 03 (ba) kỳ trong vòng 07 (bảy) ngày. Sau 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày phát hành số báo hoặc lần phát thanh đầu tiên mà người bị thu hồi đất không đến liên hệ tại trụ sở Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thì tiến hành lập biên bản đo đạc, kiểm kê hiện trạng theo diện vắng chủ.

Điều 12. Tổ chức đo đạc, kiểm kê hiện trạng

1. Thành phần tham gia đo đạc, kiểm kê hiện trạng gồm có:

- a) Đại diện Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường;
- b) Người bị thu hồi đất (hoặc người đại diện hợp pháp);
- c) Đại diện chủ dự án;
- d) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Đại diện của những người bị thu hồi đất đã được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thuộc phạm vi dự án giới thiệu.

2. Nội dung kiểm kê

a) Phần kiểm kê về đất đai và nhà cửa, vật kiến trúc: Kiểm kê toàn bộ diện tích đất thu hồi, từng hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc, đánh giá kết cấu, cấp hạng nhà, kích thước, diện tích. Nhà cửa, vật kiến trúc bị giải tỏa một phần thì chỉ kiểm kê phần bị giải tỏa.

Đối với nhà và các loại công trình, vật kiến trúc mà khi tháo dỡ phần bị giải tỏa sẽ ảnh hưởng đến cấu trúc của phần còn lại thì phải xem xét phần ảnh

hường. Diện tích tính ảnh hưởng là diện tích tính từ vạch giải tỏa đến mép trụ đỡ gần nhất; việc xác định ảnh hưởng chỉ áp dụng đối với trường hợp diện tích còn lại sau khi bị giải tỏa có thể tự chống đỡ để tồn tại và sử dụng được.

b) Phần kiểm kê về tài sản khác như: Đồng hồ điện, nước (Phải ghi rõ là đồng hồ chính hay phụ), giếng, điện thoại,... các hạng mục như hầm tự hoại, bể nước, nhà vệ sinh... nằm trong kết cấu nhà thì không kiểm kê, chỉ kiểm kê khi là công trình phụ độc lập nằm ngoài diện tích nhà.

c) Phần kiểm kê về cây trồng: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-UBND ngày 14/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về đơn giá bồi thường tài sản khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, ghi rõ là cây tập trung hay phân tán; phân loại A, B, C, D, E.

d) Đối với nhà cửa, vật kiến trúc phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh là tài sản của tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh, có trích khấu hao thì phải đánh giá tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản để ghi vào biên bản kiểm kê tài sản.

đ) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm vẽ sơ đồ nhà cửa, vật kiến trúc vào biên bản kiểm kê tài sản.

3. Lập biên bản đo đạc, kiểm kê hiện trạng

a) Biên bản kiểm kê hiện trạng là tài liệu xác lập số lượng, chất lượng tài sản gắn liền với diện tích đất thu hồi để làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường, hỗ trợ.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau và phải có chữ ký của tất cả thành viên tham gia kiểm kê hiện trạng hoặc điểm chỉ (nếu không ký được) do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập và Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

b) Nội dung biên bản phải ghi nhận ý kiến của người bị thu hồi đất về thời gian làm nhà ở hoặc thời gian tạo lập tài sản có trên đất (công trình phụ, giếng nước, ao đào, cây trồng...). Trường hợp ghi sai thì gạch ngang chữ sai và ghi lại, không được tẩy xóa, người ghi sai phải ký vào bên cạnh chữ sửa chữa.

Biên bản được lập theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy định này.

4. Các trường hợp kiểm kê đặc biệt

a) Trường hợp kiểm kê theo diện vắng chủ thì ghi trong biên bản cụm từ: "kiểm kê theo diện vắng chủ"; trường hợp người bị thu hồi đất không có tài sản gắn liền với đất thì ghi vào biên bản cụm từ " người bị thu hồi đất không có tài sản gắn liền với đất"; trường hợp giải tỏa trắng thì ghi vào đầu biên bản cụm từ "hộ giải tỏa trắng".

b) Trường hợp kiểm kê theo diện vắng chủ hoặc người bị thu hồi đất có mặt nhưng không ký biên bản thì phải ghi nhận rõ sự việc, lý do từ chối ký biên

bản và đại diện thôn, ấp, khu phố ký xác nhận sự việc, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (ký tên, đóng dấu).

c) Trường hợp người bị thu hồi đất không đồng ý cho tiến hành đo đạc, kiểm kê thì áp dụng biện pháp kiểm kê bắt buộc và phải có quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc kiểm kê bắt buộc. Khi kiểm kê phải mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và đại diện của khu phố, thôn, ấp nơi có đất bị đất bị thu hồi chứng kiến. Các thành viên tham gia buổi kiểm kê và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, đại diện của khu phố, thôn, ấp cùng ký vào biên bản kiểm kê, Ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận (ký tên, đóng dấu).

Điều 13. Xử lý một số trường hợp cụ thể trong kiểm kê, thu hồi đất

1. Trường hợp diện tích đất còn lại của thửa đất (hoặc các thửa đất) nằm ngoài phạm vi thu hồi đất mà người bị thu hồi đất không thể tiếp tục sản xuất hoặc không sử dụng được do hình thể, do không phù hợp quy hoạch, do diện tích nhỏ hơn hạn mức tách thửa quy định tại Điều 4 Quyết định số 68/2009/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và người bị thu hồi đất yêu cầu bồi thường hết diện tích đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất đó thì ghi vào biên bản kiểm kê cụm từ: “Người bị thu hồi đất yêu cầu Nhà nước thu hồi, bồi thường hết diện tích thửa đất và tài sản gắn liền với đất (diện tích, số tờ, số thửa) và không có khiếu nại về sau” và thực hiện việc kiểm kê toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất.

Chủ đầu tư phải có trách nhiệm bồi thường phần diện tích này và được quyền sử dụng theo quy định pháp luật. Đối với những dự án sử dụng ngân sách Nhà nước thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Trường hợp người bị thu hồi đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 đã chết vào thời điểm kiểm kê mà các đồng thừa kế chưa làm thủ tục thừa kế theo quy định thì việc kiểm kê được thực hiện với sự tham gia của người đại diện đồng thừa kế hoặc người đang trực tiếp quản lý đất và tài sản bị thu hồi.

3. Trường hợp người bị thu hồi đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 đã chuyển quyền sử dụng đất cho người khác trên thực tế nhưng chưa hoàn tất việc chuyển quyền theo quy định của pháp luật thì việc kiểm kê được tiến hành với sự tham gia của người đã nhận quyền sử dụng đất trên thực tế (Biên bản kiểm kê phải ghi rõ lý do và thời điểm chuyển dịch quyền sử dụng đất trên thực tế).

4. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp bao gồm nhiều loại đất trên cùng một thửa đất, nhưng dự án chỉ thu hồi một phần diện tích của

thừa đất đó, thì căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất thực tế để xác định loại đất của phần diện tích thu hồi. Trường hợp người bị thu hồi đất có ý kiến đề nghị cụ thể về loại đất bồi thường thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải ghi rõ ý kiến đề nghị vào biên bản kiểm kê để làm cơ sở tính toán áp giá bồi thường trong phương án bồi thường cho phù hợp.

5. Trường hợp sau khi giải tỏa một phần nhà ở, công trình... trên đất mà phần còn lại không thể sử dụng được, không thể tự chống đỡ để tồn tại thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải đo đạc, kiểm kê tính toán bồi thường toàn bộ phần diện tích còn lại của nhà ở, công trình... đó. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ lý do thực hiện việc đo đạc, kiểm kê toàn bộ diện tích nhà ở, công trình trong trường hợp này.

Điều 14. Xác nhận các nội dung kê khai, kiểm kê

Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường gửi đến, Ủy ban nhân dân và công an cấp xã có trách nhiệm xác nhận các nội dung sau:

1. Xác định nhà, đất trong phạm vi thu hồi của hộ gia đình, cá nhân có tranh chấp hay không có tranh chấp;

2. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, xây dựng lưu trữ theo quy định tại Ủy ban nhân dân cấp xã để xác định các điều kiện được bồi thường hoặc không được bồi thường theo quy định; xác nhận đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở.

3. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, xác nhận nguồn gốc, thời điểm bắt đầu sử dụng đất theo mục đích sử dụng hiện trạng; thời điểm xây dựng nhà, công trình trên đất của hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi thu hồi đất. Trường hợp không có hồ sơ thì tổ chức lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc cấp xã và những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất để làm căn cứ xác nhận.

4. Xác nhận các trường hợp giải tỏa trắng; việc tách hộ nhưng chưa hoàn thành thủ tục hoặc có nhiều hộ cùng sống chung và hộ gia đình, cá nhân đề nghị không vào khu tái định cư tập trung.

5. Xác nhận đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

6. Xác nhận nhân khẩu (do công an xã, phường, thị trấn xác nhận).

Nội dung xác nhận thực hiện theo mẫu số 04, 05, 06, ban hành kèm theo quy định này.

Điều 15. Thẩm tra việc xác nhận

Trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng

đất cấp huyện, Phòng Quản lý Đô thị có trách nhiệm thẩm tra các nội dung liên quan về nhà, đất.

Sau khi thẩm tra, người thẩm tra ghi cụm từ “Đã thẩm tra và thống nhất nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã” và ký tên, ghi rõ họ tên.

Mục 3

LẬP, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 16. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Trong thời gian không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành việc kiểm kê hiện trạng và xác nhận các nội dung kiểm kê, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi tắt là phương án bồi thường). Nội dung phương án bồi thường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

2. Niêm yết công khai và lấy ý kiến về phương án bồi thường

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm niêm yết công khai phương án bồi thường tại Ủy ban nhân dân cấp xã và tại điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi để lấy ý kiến và tiếp nhận ý kiến đóng góp của người bị thu hồi đất.

Nội dung việc lấy ý kiến phương án bồi thường do thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

Thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày đưa ra niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

3. Trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày hoàn tất việc lấy ý kiến phương án bồi thường, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm hoàn chỉnh phương án bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 69/2009/NĐ-CP.

Điều 17. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Thẩm quyền thẩm định và cơ chế phối hợp

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp các Sở, ngành thẩm định các dự án có phạm vi thu hồi đất từ 2 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên và các dự án có giá trị lớn hơn hoặc bằng 80 tỷ đồng đối với thành phố Biên Hòa và các huyện Long Thành, Nhơn Trạch; có giá trị lớn hơn hoặc bằng 40 tỷ đồng đối với thị xã Long Khánh và huyện Trảng Bom; có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20 tỷ đồng đối với các huyện còn lại.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường đối với các dự án còn lại.

2. Hồ sơ thẩm định nộp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường gồm:

a) Tờ trình thẩm định (kèm theo mẫu số 07, 08, 09, 10 ban hành kèm theo quy định này);

b) Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn chỉnh;

c) Bảng tổng hợp thông tin về bồi thường, hỗ trợ;

d) Bản đồ thu hồi đất của dự án;

đ) Bảng tổng hợp góp ý;

e) Bộ hồ sơ bồi thường của từng người bị thu hồi đất, gồm:

- Biên bản kiểm kê hiện trạng;

- Tờ khai do người bị thu hồi đất tự khai và ký tên;

- Bảng áp giá bồi thường do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập;

- Các văn bản xác nhận liên quan.

3. Hồ sơ thẩm định nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường gồm các hồ sơ quy định tại điểm a, b, c và d của khoản 2 Điều này và các Văn bản có liên quan.

4. Nội dung thẩm định phương án bồi thường thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT.

5. Trong thời gian không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chuyển đến, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan có trách nhiệm hoàn thành công tác thẩm định. Kết quả thẩm định được thể hiện bằng văn bản thẩm định do cơ quan chủ trì thẩm định ký ban hành.

Trường hợp trả hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung phải thực hiện trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Việc trả hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung phải được lập thành văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 4

THU HỒI ĐẤT, GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT

Điều 18. Hồ sơ giao đất, cho thuê đất

1. Hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất phải nộp 02 (hai) bộ, gồm có:

a) Văn bản đề nghị giao đất hoặc thuê đất;

b) Dự án đầu tư đã được xét duyệt hoặc chấp thuận (đối với trường hợp phải lập dự án đầu tư);

c) Trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất;

d) Văn bản thẩm định phương án bồi thường của cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

2. Địa điểm nộp hồ sơ:

a) Tổ chức có nhu cầu xin giao đất, thuê đất để thực hiện dự án đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu xin giao đất, thuê đất nộp hồ sơ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Căn cứ loại hình đầu tư, chủ đầu tư cần nộp kèm theo một trong các loại văn bản sau:

a) Dự án đầu tư không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư thì trong đơn xin giao đất, thuê đất phải thể hiện nhu cầu sử dụng đất.

b) Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư xin giao đất, thuê đất mà không phải lập dự án đầu tư thì phải có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về nhu cầu sử dụng đất.

c) Trường hợp thực hiện dự án thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, gốm sứ thì phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

d) Trường hợp xin giao đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thì không phải nộp dự án đầu tư nhưng phải nộp trích sao quyết định đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

4. Trường hợp thẩm quyền thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thẩm quyền thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất cùng cấp thì việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được tiến hành cùng với việc thẩm định hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

Điều 19. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 của Quy định này, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp phải thẩm định trước khi thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

Nội dung thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT. Trường hợp chấp thuận nhu cầu sử dụng đất thì bổ sung văn bản thẩm định vào hồ sơ để thực hiện thủ tục thu hồi đất,

giao đất, cho thuê đất. Trường hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng đất thì có văn bản yêu cầu chủ đầu tư xác định lại nhu cầu sử dụng đất.

Điều 20. Quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất

1. Tổ chức xin giao đất, thuê đất để thực hiện dự án đầu tư

a) Trường hợp trong dự án có thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, thực hiện như sau:

Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để thực hiện thủ tục thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân. Trường hợp phải thẩm định phương án bồi thường thì thời gian là 07 (bảy) ngày làm việc và phải gửi kèm văn bản thẩm định phương án bồi thường.

Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập tờ trình trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ký quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân. Thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định thu hồi đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thu hồi đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ giao đất, thuê đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp có thu hồi đất của tổ chức, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ thu hồi đất đồng thời với giao đất, cho thuê đất.

b) Trường hợp trong dự án không phải thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, thực hiện như sau:

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ thu hồi đất cùng lúc với hồ sơ giao đất, thuê đất để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp phải thẩm định phương án bồi thường thì thời gian thẩm định là 07 (bảy) ngày làm việc.

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ký quyết định thu hồi đất cùng với giao đất, cho thuê đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư xin giao đất, thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ thu hồi đất, giao đất, thuê đất cùng với việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Trong thời hạn không quá 03 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ký quyết định thu hồi đất cùng với giao đất, cho thuê đất.

3. Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được ban hành đến từng chủ sử dụng đất, không ban hành một quyết định chung kèm theo danh sách các hộ dân và thực hiện đúng theo mẫu quy định tại Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mục 5

PHÊ DUYỆT, CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ CHI TRẢ BỒI THƯỜNG

Điều 21. Phê duyệt phương án bồi thường và ban hành Quyết định bồi thường

Sau khi có quyết định thu hồi đất, giao đất hoặc cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt và công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất liên quan từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án trong phạm vi một huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

2. Hồ sơ trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm:

a) Tờ trình của cơ quan Tài nguyên và Môi trường (kèm theo các văn bản thẩm định của các cơ quan chuyên ngành);

b) Kết quả thẩm định của cơ quan cấp trên;

c) Dự thảo quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

3. Thời gian trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Thời gian trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định phương án bồi thường.

b) Thời gian phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân các cấp là 03 (ba) ngày làm việc kể từ cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình phê duyệt phương án bồi thường.

4. Ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Căn cứ phương án bồi thường được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải được ban hành riêng đối với từng người bị thu hồi đất.

5. Nội dung quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải nêu rõ diện tích đất, tài sản bị thu hồi, mức giá bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã bị thu hồi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và ban hành riêng đối với từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo mẫu số 11 ban hành kèm theo quy định này.

Điều 22. Phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thông báo nhận tiền bồi thường

Chậm nhất là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư phải nộp toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo quyết định vào tài khoản của Trung tâm Phát triển Quỹ đất.

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường tại trụ sở Ủy ban nhân dân và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bản chính) cho người bị thu hồi đất.

Khi gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (gửi lần thứ nhất) phải có ký nhận, ghi rõ thời gian nhận của người bị thu hồi đất. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi vào sổ giao nhận và lưu theo dõi.

Trường hợp quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã gửi lần thứ nhất nhưng người bị thu hồi đất không đến nhận tiền bồi thường thì sau 07 (bảy) ngày (kể từ “ngày nhận tiền bồi thường” được ghi trong quyết định bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư). Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã gửi thông báo nhận tiền (lần 2) kèm theo bản sao quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người bị thu hồi đất. Đến đây là hoàn tất việc thông báo nhận tiền bồi thường.

Thông báo nhận tiền được lập 03 (ba) bản; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giữ 01 (một) bản và vào sổ lưu, Ủy ban nhân dân cấp xã giữ 01 (một) bản, 01 (một) bản gửi cho người bị thu hồi đất hoặc được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi. Thông báo nhận tiền bồi thường phải ghi rõ người đến nhận tiền bồi thường phải mang theo chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các giấy tờ về nhà, đất (bản chính) để làm thủ tục nhận tiền bồi thường.

Điều 23. Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bố trí tái định cư

1. Việc chi trả tiền bồi thường do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng để thực hiện.

Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo quy định.

Khi chi trả tiền bồi thường, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải thu toàn bộ các giấy tờ về nhà, đất (bản chính) và chuyển cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện để chỉnh lý hoặc thu hồi giấy tờ về nhà, đất theo quy định.

2. Sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn chi trả tiền theo “thông báo nhận tiền bồi thường” nếu người bị thu hồi đất được bồi thường, hỗ trợ không đến liên hệ để nhận tiền thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập biên bản xác nhận và nộp tiền bồi thường, hỗ trợ vào Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng để chờ xử lý. Đến đây là hoàn tất việc chi trả tiền bồi thường.

3. Trường hợp người bị thu hồi đất đi vắng hoặc không xác định được địa chỉ hoặc kiểm kê vắng chủ thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải thông báo trên Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai, truyền thanh của cấp xã liên tiếp 03 (ba) kỳ trong vòng 07 (bảy) ngày.

Nếu sau 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày đăng thông báo lần đầu tiên mà người bị thu hồi đất không đến nhận thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập biên bản xác nhận và gửi toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ vào Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng để chờ xử lý. Đồng thời, thông báo cho người được bồi thường biết về việc đã gửi tiền.

4. Những trường hợp đang tranh chấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cho Thanh tra Nhà nước cùng cấp phối hợp cùng Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm tra xác minh đối tượng và quá trình sử dụng đất để làm cơ sở chi trả bồi thường.

Phần tiền bồi thường tạm thời nộp Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng đến khi đã xác định đúng đối tượng hoặc giải quyết xong tranh chấp thì chi trả cho người được quyền thụ hưởng. Nếu sau khi thẩm tra xác minh mà có sự khác biệt về đối tượng bồi thường, số tiền bồi thường, hỗ trợ so với quyết định đã phê duyệt thì Hội đồng Bồi thường lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền để quyết định điều chỉnh.

5. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện việc bố trí tái định cư theo phương án bồi thường được duyệt.

Điều 24. Khấu trừ nghĩa vụ tài chính vào tiền bồi thường

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Chi cục thuế chủ trì, phối hợp cùng Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tính toán khấu trừ các khoản nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện vào tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của từng người bị thu hồi đất theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003 trước khi chi trả tiền bồi thường.

Điều 25. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Dự toán chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và Điều 24 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT. Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường theo thẩm quyền được trích 20% (hai mươi phần trăm) của 2% (hai phần trăm) trong tổng dự toán kinh phí của dự án. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm nộp vào tài khoản của hai đơn vị trên sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

Điều 26. Thời hạn bàn giao đất

Thời hạn người bị thu hồi đất phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và Điều 29 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT.

Điều 27. Cường chế thu hồi đất

Việc cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Giải quyết khiếu nại

Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định bồi thường thực hiện theo quy định tại Điều 138 Luật Đất đai năm 2003, Điều 40 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ và các quy định về giải quyết khiếu nại tại Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ.

a) Thanh tra huyện chủ trì phối hợp Hội đồng Bồi thường tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền.

b) Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa cùng cố kiện toàn Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường để tổ chức thực hiện tốt, đúng quy định. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn xử lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature

Đinh Quốc Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-UBND

....., ngày.....tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thu hồi đất và cho phép chủ đầu tư khảo sát, đo đạc lập dự án đầu tư

Ngày ... tháng ... năm ... UBND (tỉnh hoặc cấp huyện) có Văn bản số ... về việc giới thiệu địa điểm cho ... đầu tư xây dựng ... tại xã (phường, thị trấn) ..., huyện (thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa)...

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số .../... ngày ... tháng ... năm..., UBND Tỉnh Đồng Nai thông báo như sau:

1. Nội dung thông báo thu hồi đất

a) Lý do thu hồi đất: Đầu tư dự án.....(thuộc trường hợp được nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003).

b) Diện tích và vị trí khu đất thu hồi:

- Diện tích: khoảng ...m² tại xã (phường, thị trấn) ..., huyện (thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa). Vị trí khu đất được xác định theo Sơ đồ giới thiệu địa điểm tỷ lệ ... do ... ký ngày ... tháng... năm ...

c) Dự kiến kế hoạch di chuyển:

- 90 ngày đối với đất nông nghiệp.

- 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp.

(Tính từ ngày UBND cấp huyện thực hiện việc thông báo thu hồi đất theo Khoản a, Mục 3 của Thông báo này).

2. Cho phép khảo sát, đo đạc, lập dự án đầu tư

Cho phép (chủ đầu tư) thực hiện việc đo đạc, lập bản đồ khu đất (trường hợp phải đo đạc hoặc phải chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất) và tiến hành điều tra, khảo sát để phục vụ cho việc lập và trình duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (nếu có), lập dự án đầu tư; phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường huyện ... (thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa) và UBND xã (phường, thị trấn) nơi có đất thực hiện dự án kiểm kê đất đai và tài sản gắn liền với đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Giao nhiệm vụ thực hiện:

Nhận được Thông báo thu hồi đất này, UBND huyện...(thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa)... có trách nhiệm:

a) Thông báo chủ trương thu hồi đất trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương; niêm yết tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn)...tổ chức họp các hộ dân sinh sống trong khu vực dự án để thông báo chủ trương thu hồi đất.

b) Sau khi đã thông báo chủ trương thu hồi đất, UBND huyện...(thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa)... chỉ đạo thực hiện đồng thời các công việc sau:

- Thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho dự án;

- Giao trách nhiệm cho Hội đồng Bồi thường giúp chủ đầu tư lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để trình UBND huyện...(thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa).... xem xét và chấp thuận đối với những dự án đầu tư không phải trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc không phải cấp giấy phép đầu tư.

c) Sau khi dự án đầu tư được duyệt, chỉ đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường huyện...(thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa) ...lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định để phục vụ việc thu hồi đất.

d) Chỉ đạo UBND xã (phường, thị trấn) nơi có đất quản lý chặt chẽ đất đai trong khu vực dự án theo đúng quy định của pháp luật; phối hợp với chủ đầu tư phổ biến kế hoạch khảo sát, đo đạc cho người sử dụng đất trong khu vực dự án và yêu cầu người sử dụng đất tạo điều kiện để chủ đầu tư thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất để lập dự án đầu tư.

Trường hợp chủ đầu tư và những người bị thu hồi đất thỏa thuận bằng văn bản thống nhất về phương án bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất hoặc khu đất thu hồi không phải giải phóng mặt bằng thì UBND huyện (thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa) ...được phép ký quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải chờ đến hết hạn thông báo thu hồi đất./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện...(thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa);
- Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường;
- UBND xã (phường, thị trấn)...;
- Chủ đầu tư;
- Lưu:....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN CỦA NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI

Dự án:

Họ và tên chủ sử dụng đất:

CMND số (Giấy phép thành lập/ nếu là tổ chức):...ngày...tháng...năm... và
nơi cấp:

Địa chỉ thường trú, tạm trú; (Địa chỉ trụ sở làm việc /nếu là đất tổ chức):
.....

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

I. Về đất đai:

- Tổng số thửa đất bị thu hồi:

Trong đó ghi rõ số tờ, số thửa, diện tích, loại đất và địa chỉ cho từng thửa đất:
.....
.....
.....
.....

- Tổng diện tích đất bị thu hồi:m².

Trong đó: + Đất ở:m².

+ Đất nông nghiệp:m², trong đó đất lúa.....m².

+ Đất khác:m².

- Nguồn gốc và các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất:
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- Trường hợp không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất thì ghi rõ nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, mục đích sử dụng, tình trạng sử dụng đất (có sử dụng ổn định, tranh chấp không), việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

II. Về nhà ở và các loại tài sản khác gắn liền với đất:

1. Nhà số.....

Thời điểm xây dựng nhà loại nhà.....
 Mái:.....khung cộttường
 Nềntrầncửa
 Diện tích xây dựng chính: chiều ngangm x chiều dài m.
 Đồng hồ điện:; Đồng hồ nước; Điện thoại:

2. Tài sản khác: (giếng, sân, chuồng, trại ...)

.....

III. Về cây trồng:

STT	Tên loại cây	Số lượng	Ghi chú

IV. Ý kiến, nguyện vọng của chủ hộ:

.....

....., ngày tháng năm.....

UBND xã (phường, thị trấn) xác nhận

Chủ hộ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

lưu ý: trong thời hạn 05 ngày (làm việc) kể từ ngày nhận được tờ khai các chủ sử dụng có đất thu hồi phải kê khai và nộp lại tờ khai này cho UBND xã, phường, thị trấn xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
ĐO ĐẠC, KIỂM KÊ HIỆN TRẠNG TÀI SẢN
CỦA NGƯỜI CÓ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THU HỒI

Dự án:

Hôm nay, vào lúcgiờ.... ngày tháng ... năm... tại.....

Chúng tôi gồm các thành phần sau:

1. Ông (Bà)Đại diện: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường.
2. Ông (Bà)Đại diện:
3. Ông (Bà)Đại diện Chủ dự án.
4. Ông (Bà)Đại diện UBND cấp xã
5. Ông (Bà)Đại diện những người bị thu hồi đất.
6. Ông (Bà)Người có đất, tài sản bị thu hồi.

Đã tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản của Ông (Bà):

Địa chỉ:

Kết quả như sau:

I. Về nhà ở và các loại tài sản khác:

Địa chỉ số nhà (trên thửa đất bị thu hồi):

Vị trí nhà bị giải tỏa nằm tại thửa đất số.....tờ bản đồ số.....

Diện tíchm²; Loại đất.....

Thời điểm xây dựng nhà loại nhà

Mái khung cột tường.....

Nền trần cửa.....

Diện tích xây dựng chính: chiều ngangm x chiều dài m.

Đồng hồ điện: Đồng hồ nước Điện thoại bàn:

Tài sản khác: (giếng, sân, chuồng, trại ...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Họa đồ bố trí nhà ở, vật kiến trúc (do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện):

II. Về cây trồng:

S T T	Tên loại cây	Số lượng cây					Ghi chú
		Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Loại E	

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cùng chủ sử dụng có đất thu hồi thống nhất kết quả kiểm kê như trên, hai bên cùng ký tên.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quyết định số .../2010/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án:

(Kèm theo Tờ trình số...../ngày.....tháng.....năm.....)

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất hỗ trợ (m ²)	Bồi thường nhà ở, vật kiến trúc	Bồi thường cây trồng	Bồi thường tài sản khác	Hỗ trợ các loại	Thưởng đi đời	Tổng số	Ghi chú
			Nông nghiệp	Trong đó đất lúa	Phi nông nghiệp	Trong đó đất ở								
Tổng Cộng:														

ĐVT: đồng

Người lập biểu

....., ngày...tháng...năm...
GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
 XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT;
 ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG KHU DÂN CƯ VÀ
 ĐẤT VƯỜN, AO KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ ĐẤT Ở**

Dự án:

UBND xã, phường, thị trấn xác nhận:

- Ông (Bà):
- Địa chỉ:

Có sử dụng các thửa đất (ghi số tờ bản đồ, số thửa, diện tích của thửa đất):

Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)				Bản đồ ký ngày tháng, năm	Vị trí	Mục đích sử dụng đất
		Thửa đất	Thu hồi	Đất nông nghiệp trong khu dân cư	Đất vườn, ao không được công nhận đất ở			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng								
Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)								

Nguồn gốc nhà, đất: Thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà, thời điểm chuyển quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng, do ai sử dụng, có sử dụng ổn định không, có tranh chấp không.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Cán bộ Địa chính
(Ký tên)

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn
(Ký tên đóng dấu)

Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất
(Ký tên, đóng dấu)

Phòng Quản lý Đô thị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Ở cột số (1), (2), (3), (4) nếu có thay đổi về số tờ, số thửa, diện tích thì ghi số tờ, số thửa theo Giấy CNQSDĐ trong ngoặc đơn; xác nhận phần diện tích chênh lệch giữa giấy CNQSDĐ được cấp và diện tích thực tế sử dụng (nếu có).

- Xác nhận cho từng thửa đất, nếu nhiều thửa đất có cùng nguồn gốc, thời điểm, mục đích sử dụng thì có thể ghi chung cho nhiều thửa.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số.....

....., ngày..... tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN GIẢI TỎA TRẮNG VÀ TRỰC TIẾP SẢN
XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Dự án:

UBND xã, phường, thị trấn xác nhận:

- Ông (Bà):

- Địa chỉ:

1. Hộ gia đình, cá nhân giải tỏa trắng (nội dung xác nhận theo các tiêu chí quy định tại Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

2. Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (nội dung xác nhận theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); Hộ đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Hội Nông dân
(Ký tên)

Cán bộ Địa chính
(Ký tên)

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn
(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI VÀ VIỆC XÁC NHẬN NHÂN KHẨU

Dự án:

Họ và tên chủ sử dụng đất:

- Ông (Bà):

CMND số.....ngày cấp.....nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú:.....

- Tạm trú:

- Địa chỉ liên lạc:

- Số điện thoại (nếu có):

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nghề nghiệp	Hộ khẩu thường trú	Quan hệ với chủ hộ	Ghi chú

...., ngàytháng...năm ...

Ý kiến xác nhận của Công
an xã (phường, thị trấn)

Ngày xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Chủ hộ
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10 ban hành kèm theo
Quyết định số.../2010/QĐ-
UBND ngày...tháng...năm
2010 của UBND tỉnh Đồng Nai

UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUÝ BÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ THƯỜNG ĐI DỜI

Dự án:.....tại xã, phường, thị trấn.....huyện, thị xã, thành phố.....
(Kèm theo Tờ trình số: /..... ngày ... tháng ... năm ...)

S	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ tái định cư (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đ)	Hỗ trợ đo lường sản xuất kinh doanh (đ)	Hỗ trợ đo nhận giao khoán đất nông, lâm trường (đ)	Hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư (đ)	Hỗ trợ đất vườn, ao không được công nhận đất ở (đ)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (đ)	Hỗ trợ đào tạo học nghề (đ)	Hỗ trợ dịch vụ y tế (đ)	Hỗ trợ học phí (đ)	Hỗ trợ tiền thuê nhà (đ)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở (đ)	Hỗ trợ di chuyển cơ sở sản xuất kinh doanh (đ)	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách (đ)	Hỗ trợ khác (đ)	Thường đi đời (đ)	Tổng cộng hỗ trợ (đ)
1			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Tổng cộng																			

Người lập biểu

..., ngày ... tháng ... năm ...
GIÁM ĐỐC

UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 08 ban hành kèm theo Quyết định số
.../2010/QĐ-UBND ngày... tháng... năm
2010 của UBND tỉnh Đồng Nai

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI

Dự án:..... tại xã, phường, thị trấn.....huyện, thị xã, thành phố.....
(Kèm theo Tờ trình số: / ngày tháng năm ...)

S TT	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích bồi thường (m ²)			Diện tích hồ trợ (m ²)	Vi trí	Mức giá (đồng/m ²)			Giá trị bồi thường hồ trợ	Đã cấp GCNQSDĐ (số GCNQSDĐ, số tờ, thửa, diện tích (m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa Giấy CNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Tình trạng pháp lý
					Đất ở	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp khác	Đất ở	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp khác			Bồi thường đất	Hồ trợ đất	Hồ trợ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1.																		
2																		
3																		
4																		
5																		
6																		
Tổng cộng																		

Người lập biểu

....., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ Ông (bà).....ngụ
tại....., do thu hồi đất để thực hiện dự án (xây dựng công
trình).....(khu vực xã....., đợt....)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy
định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và
tái định cư;

Căn cứ Quyết định số .../2010/QĐ-UBND ngày.../.../2010 của UBND tỉnh
Đồng Nai ban hành Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số..... ngàycủa UBND..... về việc phê
duyet phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án

Căn cứ Quyết định số..... ngày của UBND huyện..... về việc thu hồi
.....m² đất, do hộ Ông (bà) đang sử dụng tại phường (xã)..... để thực
hiện dự án (xây dựng công trình).....

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện (thị xã, thành phố)... tại
Tờ trình số.....ngày.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ Ông
(bà).....ngụ tại..... do thu hồi đất để thực hiện dự án (xây dựng công
trình)..... cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Diện tích đất thu hồi	m ²			
2	Giá trị đất được bồi thường, hỗ trợ				
3	Đất nông nghiệp cây hàng năm (đất thổ cư),	m ²			

	hạng (Vị trí)....				
4	Tài sản khác				
5	Hỗ trợ khác				
6	Bố trí tái định cư (nếu có)				

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: đồng

(Bằng chữ:.....)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện (thị xã, thành phố) ... phối hợp các đơn vị có liên quan tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ Ông (bà).....

2. Hộ Ông (bà).....chịu trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất được bồi thường và bàn giao (...) m² đất đúng thời gian quy định.

Điều 3. Giải quyết khiếu nại và thời gian giải quyết khiếu nại.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định bồi thường, hỗ trợ nếu hộ Ông (bà) không đồng ý với quyết định này thì phải gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện (thị xã, thành phố)để xem xét giải quyết, quá thời hạn trên đơn khiếu nại sẽ không được giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, hộ Ông (bà)phải chấp hành Quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Giám đốc Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và Hộ (ông, bà) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Lưu VT.TH(KT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**